| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **62**/2023/DS-ST
Ngày: 16 – 8 – 2023.
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Minh Quang.

Ông Lê Văn Đạo.

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Ông Phạm Quốc Duy – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Hoàng Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 77/2023/QĐST- DS ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **1. Bà Nguyễn Ngọc M,** sinh năm 1965 (Có mặt)

**2. Chị Lương Nguyễn Thiện Y**, sinh năm 1999 (Vắng mặt)

Đăng ký thường trú: A, phường T, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của chị Y: **Bà Nguyễn Ngọc M**, sinh năm 1965, địa chỉ: khu phố A, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 01 năm 2023) (bà M có mặt).

- *Bị đơn:* **1. Ông Tô Đình C,** sinh năm 1976 (Vắng mặt)

**2. Bà Tiêu Thúy K,** sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Đăng ký thường trú: ấp H, xã C, huyện D, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của ông C, bà K: **Anh Trần Chí T**, sinh năm 1981, địa chỉ: ấp T, xã P, huyện D, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 01 năm 2023) (anh T có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2022, các đơn sửa, đổi bổ sung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc M cũng là đại diện theo ủy quyền của chị Lương Nguyễn Thiện Y trình bày:*

Trước đây do có sự quen biết nên bà M và chị Y (con bà M) có cho vợ chồng ông Tổ Đình Chiểu và bà Tiêu Thúy K vay làm nhiều lần tiền, cụ thể như sau:

**- Lần 1:** Ngày 29/12/2021 ông C vay 300.000.000 đồng (có làm giấy nợ ngày 29/12/2021 do ông C viết và ký tên ghi nợ bà M).

**- Lần 2:** Ngày 22/5/2022 ông C vay 900.000.000 đồng (có làm giấy nợ ngày 22/5/2022 do ông C viết và ký tên ghi nợ bà M và chị Y). Hẹn ngày trả là ngày 24/8/2022.

**- Lần 3:** Ngày 26/9/2022 ông C vay 500.000.000 đồng (có làm giấy nợ ngày 26/9/2022 do ông C viết và ký tên ghi nợ bà M). Hẹn 10 ngày sau sẽ trả lại.

**- Lần 4:** Ngày 29/9/2022 ông C vay 800.000.000 đồng (có làm giấy nợ ngày 29/9/2022 do ông C viết và ký tên ghi nợ bà M và chị Y).

**Tất cả 04 khoản vay nêu trên được tổng hợp lại bằng giấy nợ ngày 18/12/2022, ghi nợ bà M với số tiền là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng).**

**- Lần 5:** Ngày 29/9/2022 ông C vay 150.000.000 đồng (có làm giấy nợ ngày 29/9/2022 do ông C viết và ký tên ghi nợ bà M), nhưng sau đó ngày 05/10/2022 có trả được 50.000.000 đồng tiền vốn, còn nợ lại giấy nợ này với số tiền là 100.000.000 đồng.

Tổng cộng 05 lần vay trên là 2.600.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận miệng không ghi vào trong giấy nợ là 2,5% mỗi tháng, thời hạn trả nợ đều là cho mượn đỡ 10 ngày hoặc vài tháng trả lại (vì tình nghĩa quen biết trước đó), mục đích vay là để ông C làm vốn mua bán tôm ở xã Bình Thới, huyện Bình Đại để thu lợi nhuận phục vụ lợi ích gia đình, số tiền nêu trên bà M đã giao cho ông C đầy đủ, khi giao tiền là ở nhà của bà M, giao trực tiếp cho ông C; bà K có vài lần đi theo cùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông C chỉ đóng lãi được 03 tháng của số tiền vay 900.000.000 đồng, còn các khoản vay khác đều không đóng lãi. Tổng cộng còn nợ lại số tiền vốn gốc là 2.600.000.000 đồng.

**- Lần 6:** Ngoài ra, vào ngày 18/12/2022 ông C có vay của bà M thêm số tiền là 140.000.000 đồng, cũng thỏa thuận lãi suất là 2,5% mỗi tháng, vay mượn đỡ thời gian ngắn. Hai bên có lập tờ giấy nợ tiền đề ngày 18/12/2022, chữ viết và chữ ký của ông C với nội dung là ông C còn nợ bà M số tiền là 291.650.000 đồng. Trong số tiền này có:

+ 140.000.000 đồng là tiền vốn vay.

+ Còn lại 151.650.000 đồng là khoản lãi vay của 04 lần vay với số tiền 2,5 tỷ đã vay trước đó nên lập chung.

Quá trình làm việc, bà M thống nhất những giấy nợ nào ông C ghi nợ một mình bà M thì có trách nhiệm trả cho bà M, còn những giấy nợ nào ghi nợ bà M và chị Y thì phải có trách nhiệm trả cho cả hai. Đồng thời yêu cầu buộc trách nhiệm liên đới của bà K là vợ ông C, phải có trách nhiệm trả nợ với số tiền là 2.740.000.000 đồng. Cụ thể yêu cầu:

+ Ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ vay là 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng) cho bà Nguyễn Ngọc M và chị Lương Nguyễn Thiện Y và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 18/12/2022 cho đến ngày xét xử (16/8/2023) với mức lãi suất là 1,66%/tháng.

+ Ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ vay là 1.040.000.000 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Ngọc M và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 18/12/2022 cho đến ngày xét xử (16/8/2023) với mức lãi suất là 1,66%/tháng.

**Tại phiên Tòa:** Bà M xin rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 151.650.000 đồng. Đồng thời về mức lãi suất, bà M và chị Y thay đổi yêu cầu, nay chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

** Tại bản tự khai ngày 07/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, bị đơn ông Tô Đình C, bà Tiêu Thúy K do anh Trần Chí T là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Thống nhất là ông Tô Đình C có vay của bà Nguyễn Ngọc M và chị Lương Nguyễn Thiện Y các lần tiền cụ thể như nguyên đơn trình bày. Và số tiền vốn gốc ông Tô Đình C còn nợ bà M và chị Y là 2.600.000.000 đồng. Tuy nhiên, về lãi suất hai bên thỏa thuận là 6% mỗi tháng, vay có thỏa thuận thời hạn trả nợ, khoảng 10 ngày hoặc vài tháng; mục đích vay để làm ăn kinh doanh thu mua tôm cho hộ kinh doanh của ông C; ông C đã nhận đầy đủ số tiền gốc là 2.600.000.000 đồng. Ông C đóng lãi hàng tháng với mức lãi suất là 6%/tháng. Hình thức trả lãi là trả tiền mặt, nhưng không có làm giấy tờ và một số chuyển khoản, do thời gian đã lâu nên không nhớ đã đóng lãi được bao nhiêu, nay ông C không có yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã đóng.

Đối với giấy nợ ghi ngày 18/12/202 với số tiền 291.650.000 đồng, thật chất đây là tiền nợ lãi (lãi suất 12%/tháng), không có tiền vốn gốc là 140.000.000 đồng như bà M trình bày. Tuy nhiên, nay bà M cũng thống nhất chỉ khởi kiện yêu cầu trả số tiền 140.000.000 đồng, xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi

151.650.000 đồng, nên ông C cũng thống nhất thừa nhận có nợ và đồng ý trả số tiền 140.000.000 đồng.

Vì vậy, tổng cộng ông C còn nợ bà M và chị Y là 2.740.000.000 đồng, nhưng ông C thống nhất với nguyên đơn là những giấy nợ nào ông C ghi nợ một mình bà M thì có trách nhiệm trả cho bà M, còn những giấy nợ nào ghi nợ bà M và chị Y thì ông có trách nhiệm trả cho cả hai. Cụ thể như sau:

+ Ông C đồng ý trả số tiền vay là 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng) cho bà Nguyễn Ngọc M và chị Lương Nguyễn Thiện Y và đồng ý tính lãi suất từ ngày 18/12/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

+ Ông C đồng ý trả số tiền vay là 1.040.000.000 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Ngọc M và đồng ý tính lãi suất từ ngày 18/12/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Riêng trách nhiệm liên đới là ông C và bà K không đồng ý. Bởi vì, vay tiền nhằm mục đích thu mua tôm cho cơ sở kinh doanh cá thể mua bán thực phẩm có đăng ký kinh doanh đứng tên của ông, hơn nữa vợ chồng ông C, bà K đã ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, mỗi người tự thành lập cơ sở kinh doanh riêng. Bà K không có vay tiền gì của bà M hay chị Y và không biết việc ông C vay tiền của bà M, chị Y. Vì vậy, bà K không đồng ý có nghĩa vụ liên đới với ông C để trả nợ cho nguyên đơn.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- *Về tuân theo pháp luật tố tụng:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M và chị Y để buộc ông C và bà K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M và chị Y số tiền nợ vay là 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng) và chấp nhận tính lãi số tiền nêu trên, từ ngày 18/12/2022 (dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M để buộc ông C và bà K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M số tiền nợ vay là 1.040.000.000 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng) và chấp nhận tính lãi số tiền nêu trên từ ngày 18/12/2022 (dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

*- Về tố tụng:*

**[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:**

Từ năm 2021-2022 bà M, chị Y có cho ông C vay tiền, tổng cộng nợ vay 2.740.000.000 đồng cho đến nay vẫn chưa trả. Nay bà M, chị Y khởi kiện yêu cầu ông C cùng vợ là bà K có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay là 2.740.000.000 đồng và tính lãi suất. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Theo Giấy xác nhận ngày 07/12/2022 của Công an xã Bình Thới, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre và Biên bản xác minh tại Công an xã Bình Thới ngày 26/12/2022 xác nhận ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K có đăng ký tạm trú và hiện còn đang sinh sống tại ấp 4 Cây Trôm, xã Bình Thới, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

**[3].** Trong quá trình giải quyết cũng nhưng tại phiên Tòa, bà M xin rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với ông C và bà K đối với số tiền nợ lãi 151.650.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà M về số tiền nợ lãi 151.650.000 đồng (Một trăm năm mươi mốt triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

** Về nội dung:*

**- Xét yêu cầu khởi kiện của bà M, chị Y đối với ông C, bà K về việc trả số tiền nợ vay 2.740.000.000 đồng.**

Bà Nguyễn Ngọc M và chị Lương Nguyễn Thiện Y yêu cầu ông C, bà K trả số tiền nợ vay là 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng).

Bà Nguyễn Ngọc M yêu cầu ông C, bà K trả số tiền nợ vay là 1.040.000.000 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng).

Cơ sở chứng cứ: Các giấy nợ ngày 29/11/2021, 22/5/2022, 26/9/2022, 29/9/2022 (Bản photo); ngày 18/12/2022 khoản vay 2.500.000.000 đồng, ngày 29/9/2022, ngày 18/12/2022 khoản vay 291.650.000 đồng (Bản chính).

**[4].** *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, đều xác định được giữa bà M, chị Y và ông C có giao dịch vay tiền với nhau làm nhiều lần và mỗi lần đều có lập các giấy nợ, theo đó có giấy nợ ông C ghi nợ một mình bà M, có giấy nợ ông C ghi nợ bà M và chị Y (con bà M), cụ thể như sau:

**+ Vay của bà M và chị Y:** Ngày 22/5/2022 ông C vay 900.000.000 đồng; ngày 29/9/2022 ông C vay 800.000.000 đồng. Cả hai lần vay đều có viết giấy nợ cùng ngày do ông C tự viết và ký tên ghi nợ của cả bà Nguyễn Ngọc M và chị Lương Nguyễn Thiện Y với tổng số tiền 1.700.000.000 đồng.

**+ Vay của bà M:** Ngày 29/12/2021 ông C vay 300.000.000 đồng; ngày 26/9/2022 ông C vay 500.000.000 đồng; ngày 29/9/2022 ông C vay 150.000.000 đồng nhưng sau đó trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại giấy nợ này với số tiền là 100.000.000 đồng; ngày 18/12/2022 ông C vay 140.000.000 đồng. Tất cả các lần vay đều có viết giấy nợ cùng ngày do ông C tự viết và ký tên ghi nợ bà Nguyễn Ngọc M. Riêng giấy nợ ngày 18/12/2022 ghi nợ 291.650.000 đồng, trong số tiền này có 140.000.000 đồng là tiền vốn vay, còn lại 151.650.000 đồng là khoản lãi vay của 04 lần vay với số tiền 2,5 tỷ đã vay trước đó nên lập chung.

Trong 04 khoản vay vào các ngày 29/12/2021; 22/5/2022; 26/9/2022; 29/9/2022 đã được tổng hợp lại bằng giấy nợ ngày 18/12/2022, ông C ghi nợ bà M với số tiền là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng). Vì vậy, các giấy vay nợ ngày 29/12/2021; 22/5/2022; 26/9/2022; 29/9/2022 đã được xé bỏ bản chính, chỉ còn bản photo.

Quá trình làm việc và tại phiên tòa các bên đều thống nhất, đối với những giấy nợ nào ông C ghi nợ chị Y và bà M thì ông sẽ trả nợ cho 02 người, còn đối với các giấy nợ nào ghi chỉ nợ một mình bà M thì ông chỉ trả cho bà M, nên được ghi nhận. Vì vậy, ông C có trách nhiệm trả cho bà M, chị Y số tiền 1.700.000.000 đồng; ông C có trách nhiệm trả cho bà M số tiền 1.040.000.000 đồng.

Ông C thừa nhận có giao dịch vay tiền như bà M, chị Y trình bày là đúng và sau khi hai bên kết nợ lại, hiện ông C còn nợ lại bà M, chị Y số tiền 1.700.000.000 đồng, nợ bà M số tiền 1.040.000.000 đồng. Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, cụ thể các là các giấy vay tiền nêu trên; đều được ông C thừa nhận chữ ký trong các giấy vay tiền là do ông ghi và ký tên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

Qua các hợp đồng vay thấy rằng, ông C đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn đầy đủ cho bà M, chị Y mặc dù đã đến thời hạn trả nợ, nên bà M, chị Y khởi kiện yêu cầu ông C trả nợ vay là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên yêu cầu khởi kiện của bà M, chị Y là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[5]. Về lãi suất:**

- Bà M và chị Y đều có yêu cầu ông C phải trả lãi suất của số tiền nợ vay theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 18/12/2022 (dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/8/2023) làm tròn 08 tháng, ông C thống nhất đồng

ý và sự thỏa thuận này phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét ghi nhận. Cụ thể:

+ 1.700.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 8 tháng = 112.880.000 đồng.

+ 1.040.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 8 tháng = 69.056.000 đồng.

- Như vậy, tổng số vốn gốc và tiền lãi ông C có trách nhiệm trả cho bà M và chị Y là: 1.812.880.000 đồng. Trong đó:

+ Vốn gốc: 1.700.000.000 đồng.

+ Tiền lãi: 112.880.000 đồng.

- Tổng vốn gốc và tiền lãi ông C có trách nhiệm trả cho bà M là: 1.109.056.000 đồng. Trong đó:

+ Vốn gốc: 1.040.000.000 đồng.

+ Tiền lãi: 69.056.000 đồng.

**[6]. Xét yêu cầu buộc bà Tiêu Thúy K có nghĩa vụ liên đới trả nợ:**

Tại phiên tòa, phía bị đơn cho rằng ông C và bà K đã ly thân từ đầu năm 2022 (tháng 01/2022), minh chứng bằng việc mỗi người đã tự tách ra để thành lập cơ sở kinh doanh riêng cho mình, cụ thể ông C thành lập Hộ kinh doanh cá thể mang tên cá nhân ông vào năm 2022; bà K thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, do bà làm Giám đốc và đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thủy sản Tô Chiểu. Đồng thời tại giai đoạn Hòa giải viên phía bà M, chị Y chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân ông C trả nợ vay, điều đó chứng tỏ bà K không liên quan đến số nợ vay này, nên không đồng ý liên đới trả nợ.

*Hội đồng xét xử xét thấy*: Căn cứ theo Giấy kết hôn giữa ông C và bà K thể hiện ông bà có đăng ký kết hôn vào năm 2007 nên ông C và bà K là vợ chồng hợp pháp. Đồng thời mục đích ông C vay tiền ghi trong giấy nợ là để làm vốn thu mua tôm, phù hợp với việc kinh doanh của ông C và bà K đều là mua bán thủy sản, nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình, chứ không cờ bạc hay tiêu xài cá nhân và nợ chung này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Mặt khác, trong các giấy ghi nợ, ông C vay tiền đều ghi nợ với tư cách cá nhân chứ không phải ông đại diện hộ kinh doanh Tô Đình Chiều đứng ra vay. Đối với lời trình bày của phía bị đơn cho rằng ông C và bà K đã ly thân từ đầu năm 2022 nhưng không có cơ sở chứng minh, bởi vì việc ông C thành lập Hộ kinh doanh cá thể mang tên cá nhân ông vào ngày 14/7/2022; bà K thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên vào ngày 10/01/2020 trong khi các giấy nợ vay đã có từ tháng 12/2021 đến tháng 12/2022; tại phiên tòa, phía bị đơn thừa nhận không có văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại Điều 38 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giữa ông C và Kiều.

Vì vậy, lời trình bày của phía bị đơn không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, nên buộc bà K phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ với ông C là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[7]. Xét yêu cầu xin trả dần của ông C:**

Ông C xin trả dần mỗi tháng 100.000.000 đồng nhưng bà M, chị Y không đồng ý. *Hội đồng xét xử xét thấy*, đây là sự thỏa thuận của các đương sự tại giai đoạn thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

**[8].** *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án:* phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

**[9]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện của bà M, chị Y được chấp nhận toàn bộ, nên ông C, bà K phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí của toàn bộ số tiền được chấp nhận là:

1.812.880.000 đồng = 36.000.000 đồng + (3% x 1.012.880.000 đồng)

= 66.386.400 đồng.

1.109.056.000 đồng = 36.000.000 đồng + (3% x 309.056.000 đồng)

= 45.271.680 đồng.

Như vậy, tổng cộng án phí ông C và bà K có nghĩa vụ liên đới chịu là: 111.658.080 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470; 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc M đối với ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K về số tiền nợ lãi 151.650.000 đồng (Một trăm năm mươi mốt triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

**2.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc M và chị Lương Nguyễn Thiện Y đối với ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K về việc "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*".

**3.** Buộc ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc M và chị Lương Nguyễn Thiện Y số tiền nợ vay là:

1.812.880.000 đồng (Một tỷ, tám trăm mười hai triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó:

+ Vốn gốc: 1.700.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm triệu đồng).

+ Tiền lãi: 112.880.000 đồng (Một trăm mười hai triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng).

**4.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc M đối với ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K về việc "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*".

**5.** Buộc ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc M số tiền nợ vay là: 1.109.056.000 đồng (Một tỷ, một trăm lẻ chín triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Trong đó:

+ Vốn gốc: 1.040.000.000 đồng (Một tỷ, không trăm bốn mươi triệu đồng).

+ Tiền lãi: 69.056.000 đồng (Sáu mươi chín triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

**6.** Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**7. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

**7.1.** Ông Tô Đình C và bà Tiêu Thúy K phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 111.658.080 đồng (Một trăm mười một triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, không trăm tám mươi đồng).

**7.2.** Bà Nguyễn Ngọc M và chị Lương Nguyễn Thiện Y được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 45.165.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002056 ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

**7.3.** Bà Nguyễn Ngọc M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.043.000 đồng (Tám triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002120 ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Thị Mỹ Duyên**